

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST

Ngày 01- 8 - 2017

V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoa

Bà Trần Thị Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Nhật Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2017/QĐ-HPTST ngày 06/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2017/QĐ-HPTST ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Như Q - sinh năm: 1983; Có mặt.

Trú tại: 18 Phan Văn Trụ, Cầu Đá, phường V N, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Lương Minh Chánh - sinh năm: 1980; Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố T L, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, tại các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Q trình bày: Bà(Qua) kết hôn với ông Lương Minh C và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã Ninh Hòa năm 2002. Ông, bà có 02 con chung là Lương Thị Liêm C1, sinh ngày 15/11/2001 và Lương Liêm C2, sinh ngày 18/5/2005. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn vì công việc làm ăn bị thất bại, thường cãi nhau, có lúc đánh nhau. Từ năm 2012 đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông C. Về con chung, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung Lương Thị Liêm C1 và Lương Liêm C2, bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản chung bà không yêu cầu giải quyết và vợ chồng không có nợ của ai.

* Đối với bị đơn Lương Minh C trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Lương Minh C để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của ông C và không tiến hành hòa giải được vụ án.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Tại phiên tòa, ông Lương Minh C đã được tòa tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Như Qua và cho bà Nguyễn Thị Như Q được ly hôn ông Lương Minh C.

+ Về con chung: bà Nguyễn Thị Như Q và ông Lương Minh C có 02(hai) con chung Lương Thị Liêm C1, sinh ngày 15/11/2001 và Lương Liêm C2, sinh ngày 18/5/2005 hiện nay các cháu đang ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho bà Nguyễn Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi tròn 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Như Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Ông Lương Minh C được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Như Q không yêu cầu nên không xét. Tại phiên tòa ông Lương Minh C đã được tòa tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa.

+ Về án phí: bà Nguyễn Thị Như Q phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Lương Minh C đã được tòa tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Lương Minh C vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Minh C theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp sơ thẩm.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Như Q và ông Lương Minh C có đăng ký kết hôn vào năm 2002 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/01/2002 ngày 13/3/2002 do Ủy ban nhân dân xã N(nay là phường N) cấp. Do vậy, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn và không chung sống với nhau từ năm 2012. Nguyên vọng của bà Nguyễn Thị Như Q xin được ly hôn ông Lương Minh C. Còn ông Lương Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng ông C vắng mặt nên không thể hỏi ý kiến trình bày và nguyện vọng của ông C được. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lương Minh C đã được triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Như Q và ông Lương Minh C đã không chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay cho nên xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Như Q là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Như Q và ông Lương Minh C có 02 con chung Lương Thị Liêm C1, sinh ngày 15/11/2001 và Lương Liêm C2, sinh ngày 18/5/2005. Bà Nguyễn Thị Như Q xin nhận nuôi con chung và không yêu cầu ông Lương Minh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay các cháu C1, C2 còn nhỏ và nguyện vọng của hai cháu muốn ở với mẹ, hiện nay bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng và cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do vậy, cần giao các cháu Lương Thị Liêm C1, sinh ngày 15/11/2001 và Lương Liêm C2, sinh ngày 18/5/2005 cho bà Nguyễn Thị Như Q nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Như Q không yêu cầu ông Lương Minh C phụ cấp nuôi con nên không xét. Ông Lương Minh C được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Như Q không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét. Tại phiên tòa ông Lương Minh C vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi nào có đơn khởi kiện sẽ giải quyết sau.

2.4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 269; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Q.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Như Q được ly hôn với ông Lương Minh C.

1.2 Về con chung: Giao các cháu Lương Thị Liêm C1, sinh ngày 15/11/2001 và Lương Liêm C2, sinh ngày 18/5/2005 cho bà Nguyễn Thị Như Q nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Như Q không yêu cầu ông Lương Minh C phụ cấp nuôi con. Ông Lương Minh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Như Q không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông Lương Minh C vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi nào có đơn khởi kiện sẽ giải quyết sau.

2/ Về án phí: bà Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0013037 ngày 13/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Nên bà Nguyễn Thị Như Q đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: *Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Hải

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các thành viên hội đồng xét xử